

Phụ lục III
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
(VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN DỰ ÁN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC
(Kèm theo Nghị quyết số 109/2024/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 (*)							Số dự án	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số giai đoạn 2021-2025	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW		KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao		Kế hoạch năm 2025
	TỔNG SỐ			16.757.198	7.416.338	-	3.295.067	1.565.183	4.116.167	1.248.704	1.871.152	740.100	133.650	122.561	47
A	HOÀN ỨNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (Đã hoàn ứng đủ 100% NSTW trong KH năm 2021)								205.767	205.767	-	-	-	-	8
1	- Sửa chữa, nâng cấp tuyến I đê biển huyện Giao Thủy và sửa chữa, nâng cấp tuyến I đê biển huyện Hải Hậu	Sở NN&PTNT	929/QĐ-UBND (22/6/2012)						10.000	10.000	-	-	-	-	1
2	- Nâng cấp hạ tầng thủy lợi huyện Hải Hậu (Tên cũ: Dự án phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp ven biển huyện Hải Hậu)	UBND huyện Hải Hậu	1522 (3/9/14) 587 (09/4/15) 477 (09/3/20)						26.100	26.100	-	-	-	-	1
3	- Đường cứu hộ bê tông mặt đê và kè lát mái, bảo vệ đê bao vùng dân cư mới Điện Biên xã Giao An, huyện Giao Thủy	UBND huyện Giao Thủy	274 (29/01/10); 4798 (01/12/10) 1923 (30/11/12)						6.773	6.773	-	-	-	-	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 (*)						Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số giai đoạn 2021-2025	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW		KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao	Kế hoạch năm 2025	
4	- Xử lý 3 tuyến kè sạt lở cấp bách gồm: kè Phương Tường tuyến đê hữu Ninh, huyện Trực Ninh; kè Trương Nam tuyến đê hữu Hồng, huyện Nam Trực, kè Quản Khu tuyến đê hữu Ninh, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	713 (24/5/12); 111 (21/01/13); 1077A (18/6/14)						10.084	10.084	-				1
5	- Dự án nâng cấp đô thị Nam Định	UBND TP.Nam Định	491 (21/4/03) 1583 (27/7/09) 437 (17/3/14)						7.510	7.510	-				1
6	- Dự án cấp nước sạch và Vệ sinh nông thôn đồng bằng sông Hồng(WB)	CTCP nước sạch và VSNT Nam Định	804/TTg- QHQT (17/6/05)						5.300	5.300	-				1
7	- Xây dựng nhà thi đấu đa năng tỉnh Nam Định	Sở VH TT&DL	954b (29/6/12) 163 (21/1/14)						100.000	100.000	-				1
8	- Xây dựng Khu lưu niệm đồng chí Lê Đức Thọ tại tỉnh Nam Định	UBND TP.Nam Định	245 (7/2/13) 403 (16/3/15)						40.000	40.000	-				1
B	HOÀN ỨNG VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ			-	-	-	-	-	72.558	-	-	-	-	72.558	2
1	- Củng cố, xử lý trọng điểm đê Tả Đáy từ K137+500 đến K169+500 huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định (Tên cũ: Củng cố, xử lý trọng điểm đê tả Đáy, huyện Ý Yên)	UBND huyện Ý Yên	2926 (28/11/07) 441 (27/2/09) 1042 (22/5/09) 2332 (14/10/09) 1559A (15/9/11) 1939 (09/9/24)						28.469					28.469	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 (*)						Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số giai đoạn 2021-2025	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW		KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao	Kế hoạch năm 2025	
2	- Nâng cấp kiên cố hoá kênh Đồng Nê - chợ Đê huyện Xuân Trường	UBND huyện Xuân Trường	988 (14/5/09); 2238 (08/10/09); 2900 (03/12/09); 982 (19/5/10)						44.089					44.089	1
C	CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2016-2020 SANG GIAI ĐOẠN 2021-2025			16.579.198	7.326.338	-	3.295.067	1.565.183	3.747.842	1.042.937	1.871.152	740.100	93.653	-	35
I	GIAO THÔNG			10.923.563	5.126.845	-	1.425.596	429.965	2.982.820	688.055	1.520.930	680.182	93.653	-	9
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			1.537.056	826.460	-	1.425.596	429.965	127.435	118.055	9.380	-	-	-	3
<i>a.1</i>	<i>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2021</i>			<i>1.286.957</i>	<i>811.845</i>	-	<i>1.185.203</i>	<i>415.350</i>	<i>112.820</i>	<i>112.820</i>	-	-	-	-	2
1	- Cải tạo, nâng cấp đường 487 tìm kiếm cứu hộ cứu nạn đảm bảo an ninh quốc phòng tỉnh Nam Định	Sở GTVT	2004 (31/10/14) 1835 (14/8/17) 2964 (21/12/17) 112 (08/02/18) 2301 (18/10/18)	494.930	404.943	2431 (31/10/18)	475.246	96.360	490	490	-			-	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 (*)						Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số giai đoạn 2021-2025	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW		KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao	Kế hoạch năm 2025	
2	- Xây dựng Tỉnh lộ 488 đoạn từ đường 488C (50a cũ) đến Thị trấn Thịnh Long	Sở GTVT	218 (24/01/14) 927 (26/5/14) 1649 (22/9/14) 1868a (20/10/14) 1221 (29/6/15) 1629 (20/7/17)	792.027	406.902	2430 (31/10/18)	709.957	318.990	112.330	112.330	-	-	-	-	1
a.4	Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2024			250.099	14.615		240.393	14.615	14.615	5.235	9.380	-	-	-	1
1	- Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 487B, tỉnh Nam Định	UBND huyện Nam Trực	1950 (07/9/18) 388 (27/02/20) 1103 (25/5/21) 2152 (06/10/21) 961 (24/5/22) 2429 (27/12/22)	250.099	14.615	3167 (31/12/20) 765 (19/4/23)	240.393	14.615	14.615	5.235	9.380	-	-	-	1
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán			3.693.007	1.495.000	-	-	-	1.250.000	570.000	680.000	-	-	-	4

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 (*)							Số dự án		
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số giai đoạn 2021-2025	Trong đó:						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW		KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao		Kế hoạch năm 2025	
1	- Xây dựng tuyến đường bộ ven biển, đoạn qua tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	132/QĐ-TTg (17/01/20) 1135 (15/5/20) 457 (02/3/21) 2590 (01/12/21) 1934 (19/10/22) 2731 (29/12/23)	2.655.270	1.315.000				1.070.000	570.000	500.000				-	1
2	- Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 488C, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	1958 (13/9/19) 457 (02/3/21) 2166 (07/10/21) 947 (19/5/22) 2741 (29/12/23) 1915 (06/9/24)	149.779	30.000				30.000	-	30.000				-	1
3	- Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 488B huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	1767 (21/8/18) 1910 (09/9/19) 457 (02/3/21) 2524 (25/11/21) 2505 (28/12/22) 1916 (06/9/24)	324.050	50.000				50.000	-	50.000				-	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 (*)						Số dự án	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số giai đoạn 2021-2025	Trong đó:						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW		KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao	Kế hoạch năm 2025		
4	- Xây dựng Tỉnh lộ 485B đoạn từ đê tả sông Đào đến Quốc lộ 21B	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	2331 (23/10/18) 457 (02/3/21) 2244 (18/10/21) 2592 (25/12/23)	563.908	100.000				100.000	-	100.000				-	1
<i>c</i>	<i>Các công trình chuyển tiếp</i>			5.693.500	2.805.385	-	-	-	1.605.385	-	831.550	680.182	93.653	-	2	
1	- Xây dựng đường trục phát triển nổi vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	1710 (31/7/17) 1410 (08/7/19) 1589/QĐ- TTg (15/10/20) 2806 (25/11/20) 457 (02/3/21) 2589 (01/12/21) 367 (21/02/24)	5.326.500	2.700.000	-	-	-	1.500.000	-	781.550	680.182	38.268	-	1	

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 (*)						Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số giai đoạn 2021-2025	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW		KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao	Kế hoạch năm 2025	
2	- Xây dựng tuyến đường huyện nối từ đê tá Đáy đến đường 57B huyện Ý Yên	UBND huyện Ý Yên	1755 (21/7/20) 2370 (02/11/21) 921 (17/5/22) 227 (03/2/23) 401 (23/02/24) 1029 (13/5/24) 991/UBND-VP5 (20/8/24)	367.000	105.385				105.385	-	50.000		55.385	-	1
II	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP			204.578	54.085	-	16.643	13.730	470	470	-	-	-	-	2
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			32.032	31.275	-	16.643	13.730	180	180	-	-	-	-	1
<i>a.I</i>	<i>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2021</i>			<i>32.032</i>	<i>31.275</i>		<i>16.643</i>	<i>13.730</i>	<i>180</i>	<i>180</i>	-	-	-	-	<i>1</i>
1	- Xây dựng Trung Tâm dạy nghề kiểu mẫu huyện Hải Hậu	UBND huyện Hải Hậu	2331 (03/11/10) 1633 (26/9/11)	32.032	31.275	2927 (21/12/18)	16.643	13.730	180	180	-			-	1
<i>b</i>	<i>Các công trình hoàn thành chưa quyết toán</i>			<i>172.546</i>	<i>22.810</i>	-	-	-	<i>290</i>	<i>290</i>	-	-	-	-	<i>1</i>
1	- Xây dựng Trường Trung cấp nghề Thủ công Mỹ nghệ truyền thống Nam Định	Trường CD kinh tế và công nghệ Nam Định	2563 (28/10/09) 1773 (30/8/10)	172.546	22.810				290	290	-			-	1
III	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN			4.277.020	1.552.088	-	1.525.664	937.828	347.764	176.384	111.462	59.918	-	-	17
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			1.411.537	699.321		1.092.531	615.900	189.941	139.941	50.000	-	-	-	9

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 (*)							Số dự án	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số giai đoạn 2021-2025	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW		KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao		Kế hoạch năm 2025
a.1	Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2021			268.087	183.700	-	265.462	114.395	9.330	9.330	-	-	-	-	2
1	- Nạo vét, kiên cố kênh Thanh Quan, thuộc hệ thống thủy nông Xuân Thủy, huyện Xuân Trường	UBND huyện Xuân Trường	144 (19/01/16) 944 (09/5/16) 2137 (19/9/17)	115.092	100.000	2406 (30/10/18)	113.703	52.995	1.050	1.050	-	-	-	-	1
2	- Nạo vét, kiên cố kênh Cát Xuyên (tuyến chính), thuộc hệ thống thủy nông Xuân Thủy, huyện Xuân Trường	UBND huyện Xuân Trường	145 (19/01/16) 171 (21/01/19) 1504 (22/7/19)	152.995	83.700	2383 (25/10/19)	151.759	61.400	8.280	8.280	-	-	-	-	1
a.2	Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2022			473.974	124.700		195.008	110.584	7.294	7.294	-	-	-	-	2
1	- Nâng cấp, cải tạo trung tâm giống thủy sản tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	1861 (17/10/14) 2081 (25/9/18)	82.539	71.800	2818 (26/11/20)	80.128	57.684	2.084	2.084	-	-	-	-	1
2	- Củng cố, nâng cấp các đoạn đê, kè xung yếu thuộc tuyến đê biển tỉnh	Sở NN&PTNT	1681 (18/10/13) 57/UBND- VP3 (22/01/18)	391.435	52.900	2902 (29/12/21)	114.880	52.900	5.210	5.210	-	-	-	-	1
a.3	Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2023			150.799	112.220		143.342	112.220	20.000	20.000	-	-	-	-	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 (*)						Số dự án	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số giai đoạn 2021-2025	Trong đó:						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW		KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao	Kế hoạch năm 2025		
1	- Cải tạo, nâng cấp đê hữu sông Đào, huyện Vụ Bản	Sở NN&PTNT	2393 (11/11/10); 1765 (19/10/11); 2433 (19/12/14); 230 (3/2/20); 1296 (29/5/20); 1348 (9/6/20) 1552 (10/8/23)	150.799	112.220	22 (05/01/24)	143.342	112.220	20.000	20.000	-				-	1
a.4	Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2024			178.114	90.248	-	166.591	90.248	74.988	24.988	50.000	-	-	-	-	2
1	- Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	UBND huyện Nghĩa Hưng	2461 (31/10/16) 2551 (18/11/19) 779 (12/4/21) 2151 (06/10/21) 928 (17/5/22)	109.700	75.928	2693 (29/12/23)	102.025	75.928	65.798	15.798	50.000				-	1
2	- Nâng cấp hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản xã Bạch Long, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	UBND xã Bạch Long	2462 (31/10/16) 2550 (18/11/19) 1017 (12/5/21)	68.414	14.320	2530 (18/12/23)	64.566	14.320	9.190	9.190	-				-	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 (*)							Số dự án	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số giai đoạn 2021-2025	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW		KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao		Kế hoạch năm 2025
a.5	Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2025			340.563	188.453	-	322.128	188.453	78.329	78.329	-	-	-	-	2
1	- Cải tạo, nâng cấp một số đoạn đê xung yếu trên tuyến đê sông tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	574 (12/3/21)	169.900	120.000	1199 (06/6/24)	151.842	120.000	70.000	70.000	-	-	-	-	1
2	- Khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão kết hợp bến cá cửa Hà Lạn, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	1621 (24/10/12) 2679 (21/11/17) 2603 (21/11/19) 2937 (25/12/19) 96 (10/01/20) 472 (04/3/21) 562 (25/3/24)	170.663	68.453	1783 (21/8/24)	170.286	68.453	8.329	8.329	-	-	-	-	1
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán			718.848	323.599	-	-	-	59.172	12.180	46.992	-	-	-	5

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 (*)						Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số giai đoạn 2021-2025	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW		KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao	Kế hoạch năm 2025	
1	- Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Đế thuộc hệ thống thủy nông Vụ Bản, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	Công ty TNHH MTV KTCTTL Vụ Bản	2294 (29/10/10) 1624 (25/10/12) 1038 (20/5/19) 2514 (12/11/19) 806 (15/4/21) 1691 (10/8/21) 1134 (21/6/22) 1127/UBND-VP3 (05/11/24)	106.205	61.779				46.992	-	46.992				1
2	- Cải tạo, nâng cấp khản cấp tuyến đê tả sông Đào (từ K18+656 đến K30+073) huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	1335 (12/8/13) 347 (04/3/14) 2515 (12/11/19) 505 (14/3/23)	128.200	64.906				1.730	1.730	-				1
3	- Củng cố, nâng cấp khản cấp tuyến đê hữu Hồng đoạn từ K156+621 đến K163+610, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	1488 (16/9/13) 540 (25/3/14) 984 (07/5/21) 488 (13/3/23)	69.500	56.280				5.040	5.040	-				1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 (*)						Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số giai đoạn 2021-2025	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW		KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao	Kế hoạch năm 2025	
4	- Cải tạo, nâng cấp đường cứu hộ và phòng chống lụt bão tuyến đê biên tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	1618 (24/10/12); 656 (02/5/13); 1034A (27/6/13) 985 (07/5/21)	254.943	61.730				1.380	1.380	-			-	1
5	- Đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến đê, kè, cống đê Hữu sông Hồng và đê tả Đào huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	1959 (01/10/10); 1689A (11/10/11); 1702 (21/10/13) 2373 (16/12/14) 1661 (11/8/16) 982 (07/5/21) 629 (30/3/23)	160.000	75.433				4.030	4.030	-			-	1
c	Các công trình chuyển tiếp			2.146.635	529.168	-	433.133	321.928	98.651	24.263	14.470	59.918	-	-	3
1	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đê tả sông Đáy, huyện Nghĩa Hưng (Dự án quyết toán hạng mục)	Sở NN&PTNT	254 (18/02/11) 1341 (11/8/11) 79 (20/01/15)	950.290	270.395	2869 (14/12/18)	364.651	270.395	2.911	2.911	-			-	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 (*)							Số dự án		
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số giai đoạn 2021-2025	Trong đó:						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW		KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao		Kế hoạch năm 2025	
2	- Đầu tư Xây dựng cảng cá Quận Vinh, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	222/HĐND-TT (30/10/15) 2437 (28/10/16) 2602 (21/11/19) 1677 (09/8/21) 469 (09/3/23) 2621/TTr-SKHĐT (19/9/24)	200.000	87.740				87.740	13.352	14.470	59.918			-	1
3	- Nâng cấp hệ thống công trình phòng chống lụt bão đê hữu sông Hồng và đê tả sông Đào, TP Nam Định (Quyết toán hạng mục)	Sở NN&PTNT	1644 (27/9/11) 1393 (15/6/20) 950 (20/5/22) 2249 (06/12/22)	996.345	171.033	2963 (27/12/19) 2964 (27/12/19)	68.482	51.533	8.000	8.000	-				-	1
IV	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH			59.370	14.540	-	54.540	14.540	9.540	9.540	-	-	-	-	-	1
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			59.370	14.540	-	54.540	14.540	9.540	9.540	-	-	-	-	-	1
<i>a.4</i>	<i>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2024</i>			<i>59.370</i>	<i>14.540</i>		<i>54.540</i>	<i>14.540</i>	<i>9.540</i>	<i>9.540</i>	-	-	-	-	-	<i>1</i>

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 (*)						Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số giai đoạn 2021-2025	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW		KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao	Kế hoạch năm 2025	
1	- Xây dựng, cải tạo, nâng cấp bệnh viện Y học cổ truyền, tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	2138 (28/9/16) 2515 (06/11/18) 2640 (27/11/19) 3127 (30/12/20) 2142 (05/10/21) 1553 (10/8/23)	59.370	14.540	2075 (20/10/23)	54.540	14.540	9.540	9.540	-	-	-	-	1
V	VĂN HÓA			874.029	508.760	-	137.515	121.000	379.940	141.180	238.760	-	-	-	2
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			874.029	508.760	-	137.515	121.000	379.940	141.180	238.760	-	-	-	2
<i>a.2</i>	<i>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2022</i>			<i>140.000</i>	<i>121.000</i>		<i>137.515</i>	<i>121.000</i>	<i>60.000</i>	<i>60.000</i>	-	-	-	-	<i>1</i>
1	- Cải tạo, nâng cấp một số hạng mục quần thể lưu niệm cố Tổng Bí thư Trường Chinh tại huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định	UBND huyện Xuân Trường	1787 (22/8/18) 1328 (05/6/20) 1386 (12/6/20) 115 (14/01/21)	140.000	121.000	2425 (09/11/21)	137.515	121.000	60.000	60.000	-	-	-	-	1
<i>c</i>	<i>Các công trình chuyển tiếp</i>			<i>734.029</i>	<i>387.760</i>	-	-	-	<i>319.940</i>	<i>81.180</i>	<i>238.760</i>	-	-	-	<i>1</i>

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 (*)						Số dự án	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số giai đoạn 2021-2025	Trong đó:						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW		KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao	Kế hoạch năm 2025		
1	- Đầu tư xây dựng khu Trung tâm lễ hội thuộc khu di tích lịch sử - văn hóa thời Trần tại tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	2448 (30/10/17) 2547 (15/11/19) 2681 (09/11/20) 2111 (30/9/21) 2012 (01/11/22) 2424 (26/12/22)	734.029	387.760				319.940	81.180	238.760					1
VI	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN			45.007	24.000	-	43.702	15.000	5.898	5.898	-	-	-	-	1	
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			45.007	24.000	-	43.702	15.000	5.898	5.898	-	-	-	-	1	
a.1	Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2021			45.007	24.000		43.702	15.000	5.898	5.898	-	-	-	-	1	
1	- Phát triển hạ tầng khung Chính phủ điện tử tỉnh Nam Định giai đoạn 2016-2020	Sở TT&TT	2361 (24/10/16) 2094 (27/9/19)	45.007	24.000	2911 (08/12/20)	43.702	15.000	5.898	5.898	-				1	
VII	KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ			92.731	16.110	-	28.727	16.110	7.130	7.130	-	-	-	-	1	
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			92.731	16.110		28.727	16.110	7.130	7.130	-	-	-	-	1	
a.2	Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2022			92.731	16.110		28.727	16.110	7.130	7.130	-	-	-	-	1	
1	- Giai đoạn I dự án Xây dựng tuyến đường gom, đường vào khu công nghiệp Mỹ Trung, tỉnh Nam Định	Ban QL các khu công nghiệp tỉnh	1372 (19/6/17) 1511 (23/7/19)	92.731	16.110	2379 (23/9/20)	28.727	16.110	7.130	7.130	-				1	
VIII	KHO TÀNG			70.900	17.010	-	62.680	17.010	1.380	1.380	-	-	-	-	1	

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 (*)						Số dự án	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số giai đoạn 2021-2025	Trong đó:						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW		KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao	Kế hoạch năm 2025		
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			70.900	17.010	-	62.680	17.010	1.380	1.380	-	-	-	-	1	
<i>a.4</i>	<i>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2024</i>			<i>70.900</i>	<i>17.010</i>		<i>62.680</i>	<i>17.010</i>	<i>1.380</i>	<i>1.380</i>	-	-	-	-	<i>1</i>	
1	- Xây dựng kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	2401A (12/11/15) 2907 (19/12/18) 2569 (19/11/19) 3128 (30/12/20) 2864 (27/12/21) 1547 (10/8/23)	70.900	17.010		2115 (01/10/21) 2062 (19/10/23)	62.680	17.010	1.380	1.380	-	-	-	-	1
IX	XÃ HỘI			32.000	12.900	-	-	-	12.900	12.900	-	-	-	-	1	
<i>b</i>	<i>Các công trình hoàn thành chưa quyết toán</i>			<i>32.000</i>	<i>12.900</i>	-	-	-	<i>12.900</i>	<i>12.900</i>	-	-	-	-	<i>1</i>	
1	- Xây dựng, cải tạo, nâng cấp Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	955 (9/5/16) 2114 (03/10/19) 2555 (18/11/19) 1448 (18/6/20) 1376 (28/6/24)	32.000	12.900					12.900	12.900	-	-	-	-	1
D	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025			178.000	90.000	-	-	-	90.000	-	-	-	39.997	50.003	2	
I	VĂN HÓA			60.000	50.000	-	-	-	50.000	-	-	-	39.997	10.003	1	

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán			Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 (*)						Số dự án	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số giai đoạn 2021-2025	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW		KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao		Kế hoạch năm 2025
<i>c</i>	<i>Các công trình chuyển tiếp</i>			60.000	50.000	-	-	-	50.000	-	-	-	39.997	10.003	1
1	- Bảo quản, tu bổ, tôn tạo cụm di tích quốc gia đình - chùa Ngô Xá, Chùa Nê	Sở VH TT&DL	2545 (19/12/23)	60.000	50.000				50.000	-	-		39.997	10.003	1
II	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH			118.000	40.000	-	-	-	40.000	-	-	-	-	40.000	1
<i>d</i>	<i>Công trình dự kiến khởi công mới năm 2025</i>			118.000	40.000	-	-	-	40.000	-	-	-	-	40.000	1
1	- Xây dựng Bệnh viện đa liễu tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	2153 (29/9/16) 1653 (05/8/21) 679/UBND-VP5 (14/6/24)	118.000	40.000				40.000	-	-		-	40.000	1

(*) Ghi chú: Tại các Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021, số 215/QĐ-TTg ngày 12/3/2023, số 888/QĐ-TTg ngày 24/7/2023, số 312/QĐ-TTg ngày 16/4/2024, số 1470/QĐ-TTg ngày 26/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ